TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRIỆU SƠN** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/ HNGĐ-ST
Ngày: 31- 5 -2022
V/v " Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thủy
Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Thủy và bà Đỗ Thị Hằng
- Thư ký phiên toà: Ông Lê Sỹ Vĩ- Thư ký Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn***: Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2022/HNGĐ - ST ngày 13 tháng 01 năm 2022 về việc " Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐST- HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 22/ 2022/QĐ -HNGĐ ngày 12/5/2022 giữa:

- **Nguyên đơn**: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990
Địa chỉ: Thôn Đô Trình 4, xã An N, huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa
- **Bị đơn**: Anh Trần Văn Q, sinh năm 1989
Địa chỉ: Thôn Thái N, xã Thái H, huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa.
(Anh Q vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày giữa chị và anh Trần Văn Q đăng ký kết hôn với nhau ngày 03/12/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Thái H, huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện. Quá trình vợ chồng chung sống với nhau đoàn tụ hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, anh Q không tin tưởng vợ, bảo thủ, gia trưởng, nên vợ chồng không có tiếng nói chung, mặc dù đã được hai bên nội ngoại khuyên nhủ nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đến tháng 12/2021 vợ chồng anh chị sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

V*ề phần con chung*: Chị T trình bày vợ chồng có 02 người con chung, tên cháu là Trần Văn Gia B, sinh ngày 26/8/2011 và cháu Trần Nguyễn Thảo N, sinh ngày 19/4/2017. Ly hôn nguyện vọng của chị Thủy mong muốn được nuôi cả 02 con chung, nhưng nêu anh Q không đồng ý thì chị xin nuôi cháu Thảo N, giao cho anh Q trực tiếp nuôi cháu Gia B, anh chị không phải đóng góp nuôi con chung.

Về tài sản và phần nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án anh Trần Văn Q trình bày vợ chồng đăng ký kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Q chưa thực sự quan tâm đến chị T, vợ chồng hay cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều. Anh Q sẽ cố gắng sửa đổi tính cách, anh Q đang còn thương yêu chị T và mong muốn vợ chồng được đoàn tụ, không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung như chị T trình bày là đúng. Nếu phải ly hôn anh Q có nguyện vọng trực tiếp nuôi Gia B, giao cháu Thảo N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Về tài sản: Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51; 56; Điều 81; 82; 83 luật hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147 của bộ luật tố tụng dân sự; Về hôn nhân: Đề nghị xử cho chị T được ly hôn anh Q; Về con chung: Giao cho chị T nuôi cháu Trần Nguyễn Thảo N, giao cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Văn Gia B cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh ,chị không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1].Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú trên địa bàn huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Q đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa đến Tòa án để tham gia phiên tòa, mặc dù không vì sự kiện bất khả kháng và trở ngại khách quan nào, nhưng anh Q không đến Tòa án,

không có lý do. Vì vậy Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2].Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn Q đăng ký kết hôn tại UBND xã Thái H, huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện, có giấy chứng nhận kết hôn số 78/2010, ngày 03/12/2010. Việc đăng ký kết hôn của anh, chị tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị thì thấy: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng anh chị không hòa hợp, anh chị chưa thực sự quan tâm chia sẻ và thấu hiểu cho nhau dẫn đến vợ chồng hay bất đồng về quan điểm sống và thường xuyên cãi nhau, nên vợ chồng đã sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn. Anh Q không đồng ý ly hôn, mong muốn được đoàn tụ, nhưng lại không có giải pháp để hàn gắn tình cảm, vợ chồng vẫn mỗi người ở mỗi nơi, chị T vẫn tha thiết xin được ly hôn và không mong muốn đoàn tụ. Xét thấy cuộc sống chung của vợ chồng anh, chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T xử cho chị T được ly hôn anh Trần Văn Q.

[3]. Về con chung: Vợ chồng anh, chị có 02 con chung với nhau, tên cháu là Trần Văn Gia B, sinh ngày 26/8/2011 và cháu Trần Nguyễn Thảo N, sinh ngày 19/4/2017. Giao cháu B cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giao cháu Thảo N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4].Về tài sản: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

*[5]. Về án phí***:** Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của uỷ ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Trần Văn Q.

Về con chung: Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thảo N, anh Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu Gia B, anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị T, anh Q được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Người trực tiếp nuôi con và các thành viên trong gia đình không được ngăn cấm, cản trở. Nếu trong quá trình nuôi con, anh hoặc chị không chăm sóc chu đáo ảnh hưởng đến sự phát triển sức khỏe, học tập, sinh hoạt của các cháu bé, thì anh hoặc chị có quyền khởi kiện đến Tòa án yêu cầu thay đổi nuôi con chung.

Về tài sản: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai số AA/2021/0006411 ngày 13 tháng 01 năm 2022 nay trừ 300.000đ án phí ly hôn, chị T đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Tuyên bố cho chị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Q được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận*:**
- *TAND tỉnh Thanh Hóa*
- *VKS Triệu Sơn*
- *Các đương sự*
- *UBND xã Thái Hòa*
- *Thi hành án*
- *Lưu hồ sơ*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thủy